

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Hùng Bích - Ông Trần Thanh Việt

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Tấn L qua mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố L vào ngày 22/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông L không chí thú làm ăn, quan tâm đến gia đình. Bà nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội nhưng ông L vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Đ yêu cầu ly hôn ông L.

Về con chung: Ông bà có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Ngọc Yến N, sinh ngày 06/10/2010; Huỳnh Tấn A, sinh ngày 07/8/2014; Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 23/10/2017. Các con chung đều có nguyện vọng sống với bà Đ.

Tại phiên tòa, bà Đ trình bày 02 con chung Huỳnh Ngọc Yến N và Huỳnh Tấn A hiện sống cùng ông L và ông bà nội. Con chung Huỳnh Ngọc Như Ý, hiện do bà chăm sóc, nuôi dưỡng.

Để ổn định cuộc sống của các con chung khi bà và ông L ly hôn, bà đồng ý yêu cầu của ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Huỳnh Ngọc Yến N và Huỳnh Tấn A. Bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Ngọc Như Ý. Ông L không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con, thì bà đồng ý. Bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Như Ý theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Tấn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Đ về quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn như bà Đ trình bày thì ông không đồng ý. Ông là người chồng, người cha có trách nhiệm, biết quan tâm gia đình vợ con, nhưng vì bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đến tháng 10 năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông với bà Đ có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Ngọc Yến N, sinh ngày 06/10/2010; Huỳnh Tấn A, sinh ngày 07/8/2014; Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 23/10/2017.

Ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Huỳnh Ngọc Yến N và Huỳnh Tấn A, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con vì ông có thu nhập đủ khả năng nuôi con. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Như Ý theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Huỳnh Tấn L.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Huỳnh Ngọc Yến N, sinh ngày 06/10/2010; Huỳnh Tấn A, sinh ngày 07/8/2014 cho ông Huỳnh Tấn L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ông L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Giao cháu Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 23/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Bà Đ yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Như Ý. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.205.000đ/tháng/01 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L, ông L cư ngụ tại xã M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông L và bà Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà Đ trình bày ông L không chí thú làm ăn, quan tâm gia đình. Bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông L vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên bà Đ yêu cầu ly hôn ông L. Ông L cho rằng trong gia đình ông là người chồng, người cha có trách nhiệm, không phải nguyên nhân mâu thuẫn như bà Đ trình bày. Nhưng vì vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, do hôn nhân không hạnh phúc nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Đ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Huỳnh Tấn L.

[2.2]. Về con chung: Ông L và bà Đ có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Ngọc Yến N, sinh ngày 06/10/2010; Huỳnh Tấn A, sinh ngày 07/8/2014; Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 23/10/2017.

Tại phiên tòa, ông L và bà Đ thống nhất để ổn định cuộc sống của các chung khi cha mẹ ly hôn, ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Ngọc Yến

N và Huỳnh Tấn A. Bà Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Ngọc Như Y.

Về cấp dưỡng, ông L nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Bà Đ yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên.

Mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích cho ông L biết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho con, nhưng ông L vẫn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông L cấp dưỡng cho bà Đ nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.170.000 đồng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Ông L và bà Đ phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông L, bà Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L, bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà Đ không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông L và bà Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Huỳnh Tấn L.

Về con chung: Ông bà có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Ngọc Yến N, sinh ngày 06/10/2010; Huỳnh Tấn A, sinh ngày 07/8/2014; Huỳnh Ngọc Như Y, sinh ngày 23/10/2017.

Ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Huỳnh Ngọc Yến N và Huỳnh Tấn A.

Bà Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Huỳnh Ngọc Như Y.

Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, do ông L không yêu cầu.

Ông L cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Như Y mỗi tháng 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử (21/3/2025) đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Ông L và bà Đ phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông L và bà Đ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 (ba) con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung trên cơ sở lợi ích của con, ông L, bà Đ được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002124, ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Đ còn được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Huỳnh Tấn L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự cấp dưỡng.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

**Nguyễn Thị Hoa**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị H**









